

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty đại chúng : **Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Năm báo cáo : **2017**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**
- Tên tiếng Anh: North Books and Educational Equipment Joint Stock Company.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104546308 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 30/10/2017.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 12A Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024.3512.19.33
- Số fax: 024.3512.35.81
- Website: <http://www.stbmienbac.vn>
- Mã cổ phiếu : NBE

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) :

- Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc là Công ty thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục và thành lập theo Quyết định số 315/QĐ- TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Công ty được thành lập với số vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng.

- Công ty là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104546308 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 22/03/2010, đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi đăng kí kinh doanh và lần thay đổi gần nhất là ngày 30/10/2017.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.2. Các sự kiện khác :

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: In và phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo, các sản phẩm giáo dục theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm thiết bị giáo dục khác;

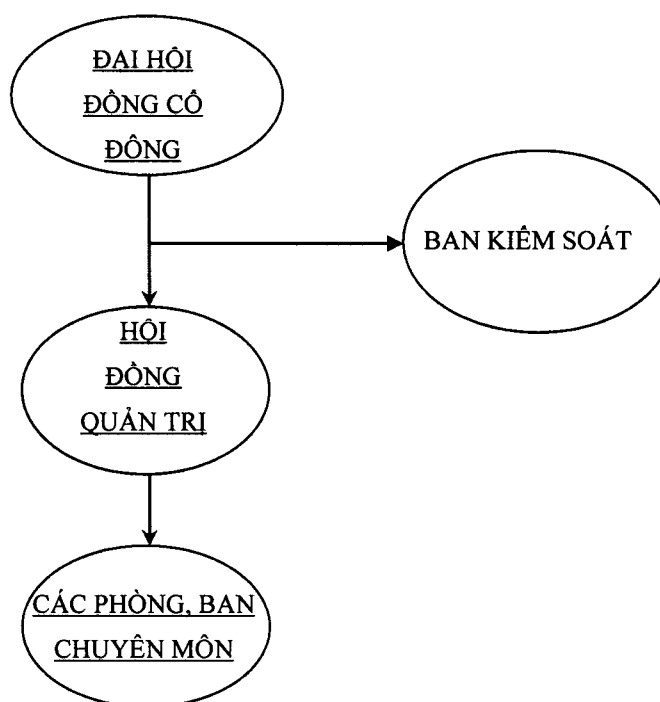
- Địa bàn kinh doanh: 29 tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.



5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch phát hành sách giáo khoa theo kế hoạch mà Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ban hành.
- Tổ chức xuất bản, in và phát hành *Sách tham khảo chất lượng cao* theo hướng giữ vững và phát huy thương hiệu sản phẩm giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Xây dựng, củng cố mối quan hệ với các đối tác để triển khai và thực hiện tốt các bộ sách dự án.
- Tiếp tục phát triển hệ thống cửa hàng đẩy mạnh bán lẻ.
- Tiếp tục triển khai Dự án Kho sách Đông Anh cùng với các đơn vị thành viên khác.
- Giữ vững chỉ tiêu doanh thu như năm 2016. Doanh thu lợi nhuận đạt được sao cho đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nhân sự nhằm nâng cao vai trò hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung củng cố và phát triển những mặt hàng chủ đạo hiện có của công ty theo hướng chiều sâu, mở rộng và phát triển những dự án mới, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.
- Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, nhân sự, tổ chức cho giai đoạn sau 2018 là giai đoạn thực hiện chương trình đổi mới căn bản và toàn diện về Giáo dục Đào tạo.
- Thành lập Phòng Đề tài và Khai thác thị trường để tập trung tổ chức khai thác các sản phẩm mới, mở rộng đề tài Mầm non, hoạt động trải nghiệm, sách địa phương. Bám sát đi sâu thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường.
- Mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng đầu tư mua cổ phần tại các Công ty CP Sách – TBTH địa phương. Công ty đặt mục tiêu nắm giữ cổ phần ở mức độ chi phối để tổ chức tốt, chủ động trong công tác phát hành kinh doanh tại địa phương, đặc biệt trong bối cảnh biến động phức tạp của thị trường khi thực hiện một chương trình nhiều bộ sách.

- Mở rộng công tác kinh doanh mảng thiết bị theo mô hình liên kết, sản xuất hướng tới phục vụ đối tượng học sinh các bậc học, khai thác thiết bị cung ứng cho dự án địa phương. Hiện nay Công ty đang bắt đầu triển khai liên kết, sản xuất thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ năm học 2018-2019, triển khai công tác đăng ký quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

- HĐQT, Ban điều hành có kế hoạch bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch để có đủ lực lượng cán bộ quản lý cho HĐQT, Ban điều hành, các vị trí chủ chốt của Công ty cho giai đoạn nhiệm kỳ tiếp theo.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty đã có nhiều năm thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình các thầy, cô giáo có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cho quỹ trẻ em Việt Nam; trao tặng quà và sách vở cho các cháu học sinh nghèo vượt khó, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ các chương trình giáo dục khác ...

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

Ngành giáo dục là một trong những ngành đang được ưu tiên và phát triển trong thời gian tới. Hơn nữa Việt Nam là nước có tỷ lệ dân số trẻ cao, cho nên nhu cầu đối với giáo dục và đào tạo lớn. Vì vậy, rủi ro về kinh tế của ngành giáo dục nói chung và của công ty nói riêng trong giai đoạn này là không đáng lo ngại.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Công ty luôn chú trọng đề cao phương châm kinh doanh lành mạnh, chủ động nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty luôn chú trọng công cuộc đổi mới và có những chiến lược kinh doanh phù hợp để đón đầu chủ trương xóa bỏ độc quyền sách giáo khoa trong những năm tới.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Tổng doanh thu : 353,9 tỷ

Lợi nhuận trước thuế: 10,2 tỷ

Lợi nhuận sau thuế: 7,95 tỷ

Cổ tức: 10%

Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 1.353 đồng

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

- **Ông Dương Đình Thọ** - Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty – Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2017.

Ông Dương Đình Thọ

Sinh ngày: 18/04/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Chứng minh nhân dân số: 050510710 do Công an TP Sơn La cấp ngày 22/06/2017

HKTT: Số 34 Đường Nguyễn Trãi, tổ 6, Phường Quyết Thắng, Thành phố Sơn La.

Chỗ ở hiện tại: Ngõ 105 Phố Xuân La, Phường Xuân Tảo, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội.

Quá trình công tác:

Từ năm 2000 đến năm 2002 – Cán bộ trung tâm hướng nghiệp dạy nghề Tỉnh Sơn La

Từ tháng 11 năm 2012 đến năm 2006 – Cán bộ Phòng kế hoạch Công ty CP Sách và TBTH Sơn La.

Từ năm 2007 đến năm 2011 – Cán bộ Sở nội vụ Tỉnh Sơn La

Từ tháng 08 năm 2011 đến tháng 09 năm 2017 – Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP Sách và TBTH Sơn La.

Từ tháng 10 năm 2017 đến nay – Tổng giám đốc Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần của cá nhân là 0 (không) cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

- **Bà Nguyễn Thị Mơ** - Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty - Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2017.

Bà Nguyễn Thị Mơ

Sinh ngày: 10/07/1961

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Chứng minh nhân dân số: 012636924 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 18/02/2004

HKTT: P14 – ngách 31/8 Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt , quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 192 – C4 Khu đô thị Đại Kim - quận Hoàng Mai, Tp Hà Nội.

Quá trình công tác:

Từ năm 1985 đến năm 1988 – Kế toán Công ty Phát hành SGK – Trung ương số 1 Hà Nội.

Từ năm 1989 đến năm 2004 – Chuyên viên kế hoạch Nhà xuất bản Giáo dục.

Từ năm 2004 đến năm 2006 – Phó Trưởng phòng Phát hành SGK NXBGD.

Từ năm 2006 đến tháng 4 năm 2010 – Trưởng phòng Tổng hợp Hành chính NXBGD tại Hà Nội.

Từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 09/2017- Tổng giám đốc Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Từ 1 tháng 10 năm 2017: nghỉ hưu

Số cổ phần nắm giữ Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

- **Bà Trần Thị Phương Lan** – Phó Tổng Giám đốc Công ty

Bà Trần Thị Phương Lan Sinh ngày: 08/08/1968

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Chứng minh nhân dân số: 011772474 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 03/12/2008.

HKTT: Số 25, ngõ 2, hẻm 2/1/1 Phố Vũ Thạnh, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 25, ngõ 2, hẻm 2/1/1 Phố Vũ Thạnh, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Quá trình công tác:

Từ năm 1993 đến năm 2000 – Cán bộ Nhà xuất bản giáo dục.

Từ năm 2000 đến tháng 4 năm 2010 – Cán bộ Phòng quản lí in NXBGD tại Hà Nội.

Từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 3 năm 2012 – Phó Trưởng phòng Quản lí in Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Từ tháng 3 năm 2012 đến tháng 11 năm 2015 – Trưởng phòng Quản lí in Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Từ tháng 11 năm 2015 đến nay – Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần của cá nhân là 15.000 cổ phần, chiếm 0,3 % vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

- **Ông Nguyễn Trọng Nhã** - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Trọng Nhã

Sinh ngày: 18/04/1966

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Chứng minh nhân dân số: 100613095 do Công an Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/03/2011

HKTT: Tổ 4, Khu 4B, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 57 Tổ 4, Khu 4B, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Quá trình công tác:

Từ năm 1987 đến tháng 5/1995 – Giáo viên, Tổ trưởng chuyên môn, bí thư đoàn Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên Tỉnh Quảng Ninh.

Từ tháng 6/1995 đến tháng 10/2016 – Chuyên viên, Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh, Phó giám đốc, Giám đốc, Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Sách và TBTH Quảng Ninh.

Từ tháng 11/2016 đến nay - Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc
Số cổ phần nắm giữ Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

- **Bà Nguyễn Thị Thu Hồng** - Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty – Bổ nhiệm ngày 15/10/2017

Bà Nguyễn Thị Thu Hồng

Sinh ngày: 25/07/1984

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Chứng minh nhân dân số:

034184002317 do Cục CSDKQL & DLQGVDC

cấp ngày 29/07/2015

HKTT: P611 Khu TT 57 Giảng Võ, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: P611 Khu TT 57 Giảng Võ, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Quá trình công tác:

Từ tháng 06 năm 2007 đến tháng 03 năm 2011 – Chuyên viên Ban Kế hoạch Tài chính NXBGDVN.

Từ tháng 04 năm 2011 đến tháng 09 năm 2017 – Phó trưởng phòng Kế toán Tài vụ NXBGD tại TP Hà Nội.

Từ tháng 10 năm 2017 đến nay – Kế toán trưởng Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần của cá nhân là 0 (không) cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

- Bà Hoàng Thị Thanh Tâm - Kế toán trưởng Công ty – Nghi hưu từ ngày 15/10/2017.

Bà Hoàng Thị Thanh Tâm

Sinh ngày: 30/8/1960

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Chứng minh nhân dân số:

011077721 do Công an TP Hà Nội cấp ngày

25/01/2010

HKTT: P402 Z10 - Tập thể ĐH Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 16 ngách ½ ngõ 1 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Quá trình công tác:

Tháng 6 năm 1980 đến năm 1992 : Cán bộ NXB Đại học – Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

Từ năm 1992 đến 2004 : Cán bộ Nhà xuất bản Giáo dục – Bộ GD và ĐT.

Từ năm 2004 đến tháng 7/2009: Phó Trưởng phòng Kế toán Tài vụ NXBGD.

Từ tháng 7/2009 đến tháng 4/2010 : Kế toán trưởng NXBGD tại Hà Nội.

Từ tháng 4/2010 đến 15 tháng 10 năm 2017 : Kế toán trưởng Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

Từ 15 tháng 10 năm 2017: nghỉ hưu.

Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần của cá nhân là 30.000 cổ phần, chiếm 0,6 % vốn điều lệ.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Công ty luôn chăm lo đến mọi mặt về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích nhằm tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, đồng thời thường xuyên tạo cơ hội cho cán bộ công nhân viên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cũng như tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và kỹ năng bán hàng cho các cán bộ phòng Kinh doanh và nhân viên cửa hàng...

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Hàng năm, Công ty còn tổ chức khám chữa bệnh định kì cho tất cả CBCNV để người lao động có sức khỏe tốt và yên tâm công tác.

Các tổ chức để người lao động tham gia hoạt động : Công ty có tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên và Ban chấp hành công đoàn.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, số lượng công nhân viên của Công ty là 78 người. Trong đó có 34 nhân viên nam và 44 nhân viên nữ.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ lao động như sau:

- Thạc sĩ 03
- Đại học 56
- Cao đẳng, trung cấp... 19

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các Công ty con, công ty liên kết : Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (tỷ đồng)	Năm 2017 (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị tài sản	85,83	83,78	97%
2	Doanh thu thuần	343,25	353,9	103%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9,75	10,29	105%
4	Lợi nhuận khác	0,09	-0,05	
5	Lợi nhuận trước thuế	9,84	10,23	104%
6	Lợi nhuận sau thuế	7,72	7,95	103%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	8%	80%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) Hệ số thanh toán nhanh (Lần)	2,27 1,41	3,73 2,62	
2	2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%) Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	31% 44,09%	26% 36%	
3	3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho (Lần) Doanh thu thuần / Tổng Tài sản	13,28 3,99	10,27 4,22	
4	4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	2,25%	2,25%	

Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	12,96%	12,97%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	8,99%	9,5,%	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động	2,84%	2,9%	
KD/Doanh thu thuần			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/12/2017 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017. Công ty có tổng số 323 cổ đông, cơ cấu như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	318	2.683.000	53,46%
2	Tổ chức trong nước	5	2.327.000	46,54%
	Cộng	323	5.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Công ty không thực hiện tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác:

Công ty CP đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội: 6.400 CP; giá trị: 63.220.000 đồng.

Công ty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội: 121.250 cổ phần; giá trị: 1.212.500.000 đồng.

Công ty CP đầu tư xuất bản thiết bị Giáo dục Việt Nam: 400.000 cổ phần; giá trị: 4.000.000.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

* Các chỉ tiêu chính :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

T	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016 (tỷ đồng)	Thực hiện 2017 (tỷ đồng)	Tỷ lệ %
1	Tổng Doanh thu	343,25	353,9	103%
2	Tổng Lợi nhuận	9,84	10,23	104%
3	Lợi nhuận sau thuế	7,72	7,95	103%
4	Cổ tức	10%	8%	80%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nghìn đồng)	1.313	1.353	103%

a. Nhìn chung việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh năm 2017 vẫn ổn định, mặc dù trong bối cảnh kinh tế gặp rất nhiều khó khăn như:

- Giá cả tăng cao, công in, tiền vận chuyển, nhân công tăng nhiều so với năm trước, đồng vốn cho sản xuất – kinh doanh bị hạn hẹp.
- Thị trường sách tham khảo ngày càng khó khăn do có quá nhiều các Công ty tư nhân và NXB khác cùng tham gia phát hành.
- Hiện tượng nợ xấu, nợ khó đòi, nợ quá hạn tăng cao làm cho nguồn vốn lưu động của Công ty bị hạn chế,

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

- Bám sát các công ty địa phương tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn.
- Phát hành tốt một số bộ sách tham khảo tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, bước đầu phát triển mảng liên doanh liên kết sản xuất kinh doanh thiết bị giáo dục.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm 2017 của Công ty giảm so với năm 2016.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, có những biến động như sau :

+ Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2017 là 22,459 triệu đồng giảm 3,806 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2016.

– Công ty không có khoản nợ phải trả xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017 Công ty đã có những bước tiến bộ trong công tác quản trị đặc biệt sau khi có sự thay đổi về bộ máy tổ chức (Tổng giám đốc, Kế toán trưởng nghỉ hưu), Ban Tổng giám đốc mới đã có những biện pháp tích cực trong việc sắp xếp kiện toàn bộ máy tổ chức, cụ thể:

Tổ chức, củng cố, sắp xếp và hoàn chỉnh cơ cấu các phòng ban trong Công ty, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban, bổ sung điều chỉnh Nội quy làm việc cho phù hợp với phương thức quản lý mới nhằm quản lý tốt nguồn vốn đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm chi phí cho Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT. Ban điều hành đã trình Hội đồng quản trị xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty, xây dựng Quy chế quản trị nội bộ và đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua vào ngày 28/12/2017.

Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng để kiện toàn bộ máy hoạt động nâng cao thương hiệu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong những năm tiếp theo, ngoài việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của những mặt hàng, thị trường truyền thống và khách hàng chiến lược cũ, thì Công ty tập trung vào nhóm khách hàng mới là khách hàng lẻ, đồng thời tăng cường đi thị trường để giới thiệu các sản phẩm mới của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Tập trung nguồn lực tài chính đầu tư mua cổ phần tại các Cty CP Sách-TBTH địa phương.

Tập trung nguồn lực về tài chính, tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao để tổ chức triển khai công tác đầu tư liên doanh sản xuất kinh doanh thiết bị trường học theo chương trình biên soạn SGK mới.

Thành lập Phòng thị trường và khai thác đề tài tập trung tổ chức khai thác các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường, Công ty định hướng đây là phương án mở rộng kinh doanh cần thiết trong bối cảnh sắp tới có nhiều biến động khi triển khai một chương trình nhiều bộ sách.

Xây dựng, củng cố mối quan hệ với các đối tác để triển khai kế hoạch phát hành các sản phẩm của Công ty.

Năm 2018 mặc dù phải đầu tư, chi phí nhiều nhưng vẫn cố gắng giữ vững chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.

Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, thực hiện trách nhiệm xã hội.

Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.

Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

Công ty chấp thuận toàn phần với ý kiến kiểm toán. Báo cáo kiểm toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Đánh giá kết quả kinh doanh

Năm 2017, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, cạnh tranh từ các Công ty trong và ngoài hệ thống, đề tài ngày càng hạn hẹp ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty, tuy nhiên, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh khả quan :

+ Doanh thu đạt 353,9 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kì năm 2016.

+ Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 7,95 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kì năm 2016.

1.2. Đánh giá về công tác quản trị

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017, Công ty đã thông qua các báo cáo về tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc.

+ Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp với sự có mặt khá đầy đủ của các thành viên HĐQT tham dự. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên HĐQT.

+ Nhìn chung các thành viên của HĐQT đều là những người có thâm niên công tác trong ngành giáo dục, có trình độ và kiến thức nhất định trong chuyên môn và phẩm chất chính trị, có năng lực quản trị doanh nghiệp, có sức khỏe và tâm huyết để thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo Công ty đi vào ổn định và phát triển.

+ Do có nhiều thay đổi về nhân sự lãnh đạo Công ty nên tại Đại hội cổ đông bất thường 2017 ngày 28/12/2017 đã bầu bổ sung 4 thành viên HĐQT thay thế cho 04 thành viên HĐQT đã từ nhiệm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đã cố gắng hết sức để hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giao. Mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành đều tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo sự chỉ đạo của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Kế hoạch, định hướng :

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế và đánh giá thực trạng các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, HĐQT đã thống nhất đưa ra một số định hướng triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2018 như sau :

3.1.1. Các chỉ tiêu tài chính cần thực hiện :

- Doanh thu : 342 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 8,5 tỷ đồng
- Cổ tức : 8%/năm

3.1.2. Một số nội dung công việc trọng tâm:

- .- Tập trung ổn định và phát triển dòng sách giáo khoa, sách tham khảo đảm bảo kế hoạch, chỉ tiêu mà NXBGDVN đã giao.
- Hợp tác với các đơn vị trong và ngoài hệ thống NXBGD tổ chức các bộ sách tham khảo chất lượng cao nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

- Tập trung nguồn vốn, điều phối vốn doanh nghiệp phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.

- Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, nhân sự, tổ chức cho giai đoạn sau 2018 là giai đoạn thực hiện Nghị quyết TW 8 về đổi mới căn bản và toàn diện về Giáo dục Đào tạo.

- HĐQT, Ban điều hành có kế hoạch bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch để có đủ lực lượng cán bộ quản lý cho HĐQT, Ban điều hành, các vị trí chủ chốt của Công ty cho giai đoạn nhiệm kỳ tiếp theo.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên độc lập/ chuyên trách	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Hoàng Lê Bách	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 12/05/2017)	Độc lập	20.000	0,4%
2	Đỗ Thị Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/05/2017, từ nhiệm ngày 28/12/2017)	Độc lập	30.000	0,6%
3	Phạm Văn Thắng	Chủ tịch (trúng cử ngày 28/12/2017)	Độc lập	0	0 %
4	Nguyễn Thị Mơ	Ủy viên (từ nhiệm ngày 01/09/2017)	Chuyên trách	0	0%
5	Trần Minh Quốc	Ủy viên (từ nhiệm ngày)	Độc lập	0	0 %

		01/09/2017)			
6	Đình Quốc Khánh	Ủy viên	Độc lập	0	0 %
7	Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên (từ nhiệm ngày 19/12/2017)	Độc lập	0	0 %
8	Dương Đình Thọ	Ủy viên(trúng cử ngày 28/12/2017)	Chuyên trách	0	0%
9	Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên(trúng cử ngày 28/12/2017)	Chuyên trách	0	0%
10	Lê Mai Anh	Ủy viên(trúng cử ngày 28/12/2017)	Chuyên trách	25.000	0,5%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hoàng Lê Bách	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 12/05/2017)	3/11	27%	
2	Bà Đỗ Thị Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/05/2017 từ nhiệm ngày 28/12/2017)	7/11	64%	
3	Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch (trúng cử ngày 28/12/2017, bổ nhiệm Chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 31/12/2017)	1/11	10%	
4	Bà Nguyễn Thị Mơ	Ủy viên (từ nhiệm ngày 01/09/2017)	6/11	54%	

5	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên (từ nhiệm ngày 19/12/2017)	7/11	64%	
6	Ông Trần Minh Quốc	Ủy viên (từ nhiệm ngày 01/09/2017)	6/11	54%	
7	Ông Đinh Quốc Khánh	Ủy viên	11/11	100%	
8	Ông Dương Đình Thọ	Ủy viên(trúng cử ngày 28/12/2017)	1/11	10%	
9	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên(trúng cử ngày 28/12/2017)	1/11	10%	
10	Bà Lê Mai Anh	Ủy viên(trúng cử ngày 28/12/2017)	1/11	10%	

Năm 2017, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp định kì hàng quý và họp bất thường để triển khai kịp thời những chỉ đạo của HĐQT về các nội dung sau :

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2017/ NQ-HĐQT	04/01/2017	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
2	02-2017/ NQ-HĐQT	04/05/2017	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I/2017 và các nội dung kế hoạch triển khai Quý II/2017 Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
3	03-2017/ NQ-HĐQT	17/05/2017	Thông qua đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT của Ông Hoàng Lê Bách.
4	04-2017/ NQ-HĐQT	30/05/2017	Thông qua việc bầu Bà Đỗ Thị Phương làm Chủ tịch HĐQT,
5	05-2017/ NQ-HĐQT	27/06/2017	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý II năm 2017 và các nội dung kế hoạch triển khai Quý III/2017.

6	06-2017/ NQ-HĐQT	26/09/2017	Thông qua chế độ nghỉ hưu của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng mới. Thông qua đơn từ nhiệm ủy viên HĐQT của Bà Nguyễn Thị Mơ và Ông Trần Minh Quốc.
7	07-2017/ NQ-HĐQT	25/10/2017	Thông qua phương án tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2017. Thông qua việc cử Ông Dương Đình Thọ làm người đại diện theo pháp luật thay cho Bà Nguyễn Thị Mơ đã nghỉ hưu.
8	08-2017/ NQ-HĐQT	10/11/2017	Thông qua việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường năm 2017 về việc bầu bổ sung ủy viên HĐQT, sửa đổi Điều lệ Công ty, xây dựng Quy chế quản trị nội bộ và thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh. Thông qua việc thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Sách và TBTH Sơn La.
9	09-2017/ NQ-HĐQT	14/12/2017	Thông qua các nội dung tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2017. Thông qua đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT của Bà Đỗ Thị Phương.
10	10-2017/ NQ-HĐQT	21/12/2017	Thông qua đơn từ nhiệm ủy viên HĐQT của Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp.
11	11-2017/ NQ-HĐQT	31/12/2017	Thông qua việc Bầu Ông Phạm Văn Thắng làm Chủ tịch HĐQT thay cho Bà Đỗ Thị Phương.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.: Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền
----	-----------	---------	--------------------------	-------------------------------

				biểu quyết
1	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban	1.500	0,03%
2	Bùi Thị Thu Lan	Ủy viên	0	0%
3	Lê Thu Hương	Ủy viên	3.000	0,06%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

- Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các công việc và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2017:

+ Cuộc họp 1 : Ngày 20/02/2017, Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp Tổng kết công tác năm 2016.

+ Cuộc họp 2: Ngày 15/3/2017, Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp triển khai kế hoạch công tác năm 2017.

+ Cuộc họp 3 : : Ngày 10/04/2017, Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp phân công chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

+ Cuộc họp 4 : Ngày 03/10/2017, Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp Sơ kết công tác 9 tháng năm 2017.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Đơn vị tính : đồng

TT	Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017
1	Hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	237.555.555
2	Thành viên hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương cho các thành viên HĐQT và Ban điều hành	1.302.932.484
3	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban Kiểm soát	42.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

- Hợp đồng với Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội:

• Hợp đồng số 25A/HĐKT2017-NXBGDHN ngày 16/01/2017 về việc NXBGDHN cho Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc thuê văn phòng, kho tàng.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

1. Ý kiến kiểm toán (Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC)

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/02/2018, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan

đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 7, khoản nợ phải thu 4.570.559.217 đồng không có chi tiết cụ thể theo tên đối tượng nợ; với hồ sơ kế toán hiện có kiểm toán viên cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết liên quan đến khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.011.886.092	59.574.613.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.480.046.210	8.956.141.300
1. Tiền	111	5	11.480.046.210	8.956.141.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		63.220.000	526.060.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	63.220.000	738.520.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	-	(212.460.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.572.898.211	26.317.068.336
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.750.852.114	27.163.802.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	174.737.192	131.777.970
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	171.248.017	167.411.174
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(523.939.112)	(1.145.923.181)
IV. Hàng tồn kho	140	11	25.420.184.426	22.613.608.238
1. Hàng tồn kho	141		30.374.116.339	25.734.024.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.953.931.913)	(3.120.416.329)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.475.537.245	1.161.736.054
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.210.667.090	1.048.250.856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		264.870.155	113.485.198
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.776.105.721	26.257.225.542
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.858.209.381	5.670.262.381
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	5.858.209.381	5.670.262.381
II. Tài sản cố định	220		620.840.208	940.335.409
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	620.840.208	940.335.409
- Nguyên giá	222		4.009.819.503	3.920.427.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.388.979.295)	(2.980.092.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	5.153.230.908	5.391.700.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.212.500.000	5.391.700.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.269.092)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.143.825.224	14.254.927.752
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	13.143.825.224	14.254.927.752
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.787.991.813	85.831.839.470

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.459.436.889	26.266.207.245
I. Nợ ngắn hạn	310		22.459.436.889	26.266.207.245
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.713.410.517	22.232.653.883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	3.471.169.528	3.350.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	559.203.441	488.624.601
4. Phải trả người lao động	314		1.279.874.197	728.594.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	475.710.849	454.747.738
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	720.227.165	726.417.885
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.239.841.192	1.631.817.578
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.328.554.924	59.565.632.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	61.328.554.924	59.565.632.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.225.601.519	1.827.782.537
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	1.157.259.577	759.440.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	7.945.693.828	6.978.409.093
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	1.978.409.093	1.187.727.804
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	5.967.284.735	5.790.681.289
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.787.991.813	85.831.839.470

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	353.569.554.404	342.951.990.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		353.569.554.404	342.951.990.402
4. Giá vốn hàng bán	11	21	312.045.291.557	300.390.645.094
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		41.524.262.847	42.561.345.308
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	400.016.270	184.903.417
7. Chi phí tài chính	22	23	231.946.051	76.665.205
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	8.246.959	-
8. Chi phí bán hàng	25	24a	18.588.878.480	18.536.493.251
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	12.809.492.091	14.380.708.269
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.293.962.495	9.752.382.000
11. Thu nhập khác	31		357	116.129.455
12. Chi phí khác	32	25	57.552.304	21.575.898
13. Lợi nhuận khác	40		(57.551.947)	94.553.557
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.236.410.548	9.846.935.557
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.280.030.903	2.126.027.173
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.956.379.645	7.720.908.384
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.353	1.313
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.353	1.313

Năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.236.410.548	9.846.935.557
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	669.228.491 [▼]	541.445.294
- Các khoản dự phòng	03		1.058.340.607	504.079.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(400.016.270)	(291.568.195)
- Chi phí lãi vay	06	23	8.246.959	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		11.572.210.335	10.600.892.164
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.026.822.237	(5.836.822.054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.640.091.772)	(320.392.022)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.556.628.342)	7.934.439.822
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		688.344.638	(1.453.301.640)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		675.300.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.246.959)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(2.138.196.531)	(1.692.955.562)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.585.433.332)	(606.590.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.034.080.274	8.625.270.708
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(89.391.634)	(1.827.313.660)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	114.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.762.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		432.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147.216.270	177.022.740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		489.824.636	(4.298.245.465)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.980.669.630	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.980.669.630)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19e	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.523.904.910	(672.974.757)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.956.141.300	9.629.116.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	11.480.046.210	8.956.141.300

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. *Khái quát chung*

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 ngày 22/03/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/10/2017.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

1.2. *Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục.*

1.3. *Ngành nghề kinh doanh*

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng;
- Xây dựng nhà các loại ;
- Buôn bán đồ dung khác cho gia đình;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

1.4. *Cấu trúc doanh nghiệp*

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay chi nhánh nào.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm .

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định hiện có. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản cố định khác	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Chi phí từ nhận chuyển nhượng văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian chuyển nhượng (50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài

sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo qui định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	244.595.500	15.359.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.235.450.710	8.940.782.079
Cộng	11.480.046.210	8.956.141.300

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	63.220.000	94.720.000	-	738.520.000	562.680.000	212.460.000
+ Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục	-	-	-	675.300.000	462.840.000	212.460.000
+ Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	63.220.000	94.720.000	-	63.220.000	99.840.000	-
Cộng	63.220.000	94.720.000	-	738.520.000	562.680.000	212.460.000

Các chứng khoán kinh doanh trên đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của từng loại chứng khoán nắm giữ được xác định căn cứ vào số lượng từng loại và giá đóng cửa của từng loại cổ phiếu tại ngày 31/12 tại HNX. Dự phòng được trích lập cho các chứng khoán kinh doanh khi giá trị hợp lý của cổ phiếu thấp hơn giá ghi sổ kế toán.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Giang	3.206.641.015	4.298.949.505
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Thanh Hóa	375.528.992	2.652.910.564
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang	1.195.598.458	2.271.035.391
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	2.294.468.412
Công ty Cổ phần Sách-TBTH Sơn La	1.271.137.747	3.741.058.573
Các khoản phải thu khách hàng khác (*)	14.701.945.902	11.905.379.928
Cộng	20.750.852.114	27.163.802.373

(*) Trong số dư các công nợ này bao gồm 4.570.559.217 đồng là số dư của các khách hàng lẻ tại hai cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu của Công ty .

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Nội	121.594.106	1.113.632.703
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang	1.195.598.458	2.271.035.391
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	1.271.137.747	3.741.058.573
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	2.294.468.412
Các đối tượng khác	877.550.463	2.658.985.564
Cộng	3.465.880.774	12.079.180.643

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Thái Á	32.411.075	-
Công ty TNHH MTV TM & DV Văn hóa Minh Long	36.661.750	-
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	-	44.850.000
CT TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	32.921.610	24.138.970
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng HDD	-	30.000.000
Các đối tượng khác	72.742.757	32.789.000
Cộng	174.737.192	131.777.970

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	127.800.000	-	82.800.000	-
Phải thu khác	43.448.017	-	84.611.174	-
Cộng	171.248.017	-	167.411.174	-

b. Dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Hà Nội (a)	5.708.209.381	-	5.520.262.381	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội (b)	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	5.858.209.381	-	5.670.262.381	-

(a) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Ngày 01/07/2014, các bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng 01/2014/PLHĐGV, theo đó Công ty nhận chuyển nhượng lại một phần vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục vào dự án này, nâng tỷ lệ đầu tư lên 37,5%. Hiện nay dự án đang triển khai thực hiện.

(b) Góp vốn với Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, dự án vẫn chưa được triển khai.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Thủy

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	523.939.112	1.145.923.181
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	161.519.862	1.143.958.894
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	362.419.250	1.964.288
Cộng	523.939.112	1.145.923.181

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	29.343.360	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.907.606.659	-	4.644.314.322	-
Công cụ, dụng cụ	260.888.620	-	224.590.959	-
Chi phí SX, KD dở dang	365.698.001	-	433.778.712	-
Thành phẩm	4.982.278.662	1.009.568.006	5.753.766.864	2.260.811.228
Hàng hóa	14.857.644.397	3.944.363.907	14.648.230.350	859.605.101
Cộng	30.374.116.339	4.953.931.913	25.734.024.567	3.120.416.329

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là 4.658.827.196 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	1.173.287.090	672.864.856
Chi phí tổ chức bán thảo	37.380.000	375.386.000
Cộng	1.210.667.090	1.048.250.856

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí sửa chữa cửa hàng	-	24.280.750
Công cụ, dụng cụ	-	271.543.758
Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty (làm vách ngăn, ốp trần...)	647.425.757	1.202.362.121
Chi phí nhận chuyển nhượng văn phòng (*)	12.496.399.467	12.756.741.123
Cộng	13.143.825.224	14.254.927.752

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 207C1/HĐCNVP/HANDICO6, Công ty nhận chuyển nhượng 393,77 m² tại tầng 12A của Tòa nhà Diamond Flower trong thời hạn 50 năm để làm văn phòng. Thời điểm bàn giao tòa nhà: cuối tháng 11/2015. Hiện tại, Công ty chưa có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình (theo Hợp đồng, nếu có sự thay đổi về Pháp luật cho phép thì Công ty phải trả thêm một khoản chi phí 2.100.000 đồng/m² và Công ty sẽ có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình). Theo đó, Công ty thực hiện phân bổ chi phí chuyển nhượng này vào chi phí trong thời gian là 50 năm.

13. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.292.978.465	343.287.882	284.161.522	3.920.427.869
Tăng trong năm			89.391.634	89.391.634
Giảm trong năm				-
Số cuối năm	3.292.978.465	343.287.882	373.553.156	4.009.819.503
Khấu hao				
Số đầu năm	2.400.521.176	316.168.417	263.402.867	2.980.092.460
Khấu hao trong năm	364.882.922	23.245.258	20.758.655	408.886.835
Giảm trong năm				-
Số cuối năm	2.765.404.098	339.413.675	284.161.522	3.388.979.295
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	892.457.289	27.119.465	20.758.655	940.335.409
Số cuối năm	527.574.367	3.874.207	89.391.634	620.840.208

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.830.411.254 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý là 1.092.833.000 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.084.556.431	16.250.004.840
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.548.359.437	-
Các đối tượng khác	5.080.494.649	5.982.649.043
Cộng	14.713.410.517	22.232.653.883

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.084.556.431	16.250.004.840
Các đối tượng khác	1.556.212.087	3.602.999.264
Cộng	9.640.768.518	19.853.004.104

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Các Trường học mua thiết bị của dự án tại Sơn La	3.440.881.000	-
Các đối tượng khác	30.288.528	3.350.700
Cộng	3.471.169.528	3.350.700

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	410.123.309	2.280.030.903	2.138.196.531	551.957.681
Thuế thu nhập cá nhân	78.501.292	552.439.594	623.695.126	7.245.760
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	488.624.601	2.837.470.497	2.766.891.657	559.203.441

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí hội nghị	-	230.800.000
Phí tổ chức bán thảo	473.086.529	221.323.418
Các khoản trích trước khác	2.624.320	2.624.320
Cộng	475.710.849	454.747.738

18. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	72.437.598	68.986.758
Phải trả về hoa hồng môi giới	525.424.780	331.388.130
Phải trả khác	122.364.787	326.042.997
Cộng	720.227.165	726.417.885

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	50.000.000.000	1.441.737.118	373.395.176	6.187.727.804
Tăng trong năm	-	386.045.419	386.045.419	7.720.908.384
Giảm trong năm	-	-	-	6.930.227.095
Số dư tại 31/12/2016	50.000.000.000	1.827.782.537	759.440.595	6.978.409.093
Số dư tại 01/01/2017	50.000.000.000	1.827.782.537	759.440.595	6.978.409.093
Tăng trong năm	-	397.818.982	397.818.982	7.956.379.645
Giảm trong năm	-	-	-	6.989.094.910
Số dư tại 31/12/2017	50.000.000.000	2.225.601.519	1.157.259.577	7.945.693.828

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	23.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	26.930.000.000	24.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	70.000.000	2.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	6.978.409.093	6.187.727.804
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	7.956.379.645	7.720.908.384
Phân phối lợi nhuận	6.989.094.910	6.930.227.095
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Chia lãi cho các cổ đông	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	1.989.094.910	1.930.227.095
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành (15%)	1.193.456.946	1.158.136.257
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	397.818.982	386.045.419
+ Quỹ bổ sung vốn điều lệ (5%)	397.818.982	386.045.419
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.945.693.828	6.978.409.093

(*) Lợi nhuận năm 2016 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017.

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/05/2017.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017 đã thông qua phương án trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2017.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán sách giáo khoa	281.403.757.663	279.424.830.581
Doanh thu bán sách tham khảo	68.954.008.602	60.072.905.614
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.779.659.399	2.668.231.246
Doanh thu khác	432.128.740	786.022.961
Cộng	353.569.554.404	342.951.990.402

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn bán sách giáo khoa	264.619.497.805	262.548.643.570
Giá vốn bán sách tham khảo	46.880.368.765	35.609.847.121
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	1.968.848.842	1.956.131.348
Giá vốn khác	410.091.729	510.423.853
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.833.515.584)	(234.400.798)
Cộng	312.045.291.557	300.390.645.094

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.286.270	40.342.740
Lãi từ bán cổ phần	252.800.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	128.930.000	136.680.000
Chiết khấu thanh toán	-	7.880.677
Cộng	400.016.270	184.903.417

23. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi vay	8.246.959	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư ngắn hạn	(212.460.000)	48.720.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	376.890.000	-
Chiết khấu thanh toán	-	27.945.205
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	59.269.092	-
Cộng	231.946.051	76.665.205

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí hoa hồng, hội nghị	656.657.580	1.075.657.850
Tiền lương nhân viên bán hàng	7.506.443.226	6.790.971.193
Chi phí thuê kho	1.565.124.909	1.461.305.243
Chi phí vận chuyển	4.268.372.597	4.471.478.503
Các khoản khác	4.592.280.168	4.737.080.462
Cộng	18.588.878.480	18.536.493.251

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương	4.828.597.340	4.534.068.845
Chi phí công tác	545.060.815	656.681.263
Chi phí thuê kho	195.256.242	148.214.839
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu	(621.984.069)	689.760.306
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.292.242.500	1.010.317.318
Các khoản khác	6.570.319.263	7.341.665.698
Cộng	12.809.492.091	14.380.708.269

25. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Phạt vi phạm hành chính thuế	57.552.304	21.575.898
Cộng	57.552.304	21.575.898

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.236.410.548	9.846.935.557
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	523.377.858	556.152.346
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	652.307.858	692.832.346
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	128.930.000	136.680.000
Tổng thu nhập chịu thuế	10.759.788.406	10.403.087.903
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.280.030.903	2.126.027.173
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.151.957.681	2.080.617.580
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	128.073.222	45.409.593

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.956.379.645	7.720.908.384
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.193.456.946)	(1.158.136.257)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	1.193.456.946	1.158.136.257
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.762.922.699	6.562.772.127
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.353	1.313

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.253.223.683	9.882.816.612
Chi phí nhân công	12.809.709.288	11.818.684.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	408.886.835	281.113.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.329.045.114	29.051.674.887
Chi phí khác bằng tiền	7.678.136.824	8.025.291.137
Cộng	65.479.001.744	59.059.580.454

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

c. Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, hơn nữa đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.713.410.517	-	14.713.410.517
Chi phí phải trả	475.710.849	-	475.710.849
Phải trả khác	647.789.567	-	647.789.567
Cộng	15.836.910.933	-	15.836.910.933
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	22.232.653.883	-	22.232.653.883
Chi phí phải trả	454.747.738	-	454.747.738
Phải trả khác	657.431.127	-	657.431.127
Cộng	23.344.832.748	-	23.344.832.748

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.480.046.210	-	11.480.046.210
Đầu tư tài chính	63.220.000	5.153.230.908	5.216.450.908
Phải thu khách hàng	20.226.913.002	-	20.226.913.002
Phải thu khác	43.448.017	5.858.209.381	5.901.657.398
Cộng	31.813.627.229	11.011.440.289	42.825.067.518
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.956.141.300	-	8.956.141.300
Đầu tư tài chính	526.060.000	5.391.700.000	5.917.760.000
Phải thu khách hàng	26.017.879.192	-	26.017.879.192
Phải thu khác	84.611.174	5.670.262.381	5.754.873.555
Cộng	35.584.691.666	11.061.962.381	46.646.654.047

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP đầu tư và xuất bản Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBGD Nam Định	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách	265.604.742.790	256.587.633.675
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Mua sách	1.377.813.327	924.971.240
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí tổ chức bàn thảo	2.644.222.487	4.069.698.839
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Bán sách	1.782.008.800	32.195.760
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Bán sách	14.745.907.924	11.700.597.824
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Bán sách	9.645.598.457	8.243.553.280
Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên	Bán sách	13.185.588.273	11.240.087.736
Công ty CP Sách - TB giáo dục Nam Định	Bán sách	13.936.344.444	12.941.489.724
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Bán sách	10.768.319.672	10.421.064.828
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Bán sách	7.376.314.801	9.354.029.713
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Bán sách	198.488.562	630.350.446
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán sách	402.421.950	-

c. Lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Năm 2017	Năm 2016
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.302.932.484	854.116.788
Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị	237.555.555	333.000.000

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TL CHỦ TỊCH HĐQT

Thủy
TỔNG GIÁM ĐỐC *R*



Dương Đình Thọ